

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH
THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2020/HS-ST
Ngày: 18/08/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Chiều

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Quyền
2. Ông Đặng Minh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2020, tại hội trường Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2020/HSST ngày 29/07/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HS ngày 03/08/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thị Đ, tên gọi khác: Lê Thị H; sinh năm 1985. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Đội 17, thôn 4, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: xóm Kim Tĩnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 6/12; con ông Lê Văn M và bà Phạm Thị S (đã ly hôn); chưa có chồng, có 01 con sinh ngày 23/12/2018; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 26/11/2015, bị Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính số tiền 1.000.000đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, tại Quyết định xử phạt hành chính số 05/QĐ-XPVPHC, ngày 26/11/2015 (đã nộp phạt ngày 02/12/2015 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên).

Bị cáo không bị giam, giữ, được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: anh Nguyễn Văn V; sinh năm 1984 Trú tại: Thôn Sơn Đoài, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Có mặt

* Người làm chứng:

1. anh Dương Đình T sinh năm 1989; Trú tại: xóm Xây, xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.
2. chị Lê Thị H; sinh năm 1986; Trú tại: Đội 17, thôn 4, xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 21/3/2020, anh Nguyễn Văn V (sinh năm 1984, trú tại thôn Sơn Đoài, xã Tân Minh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) một mình đến khu vực xóm Kim Tĩnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên để mua dâm. Khi đi đến trước cửa chỗ ở của Lê Thị Đ, thuộc xóm Kim Tĩnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, anh V được 01 gái bán dâm (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ, theo Đ khai tên là Th), vẫy vào mua dâm tại chỗ ở của Đ. Anh V đi vào và thỏa thuận mua dâm với gái bán dâm tại chỗ ở của Đ với giá 200.000đ (hai trăm nghìn đồng), anh V khai đưa tiền cho Đ và cùng gái bán dâm vào phòng để mua bán dâm. Khi anh V và gái bán dâm cởi quần áo để ở giường rồi ra ngoài vệ sinh, Đ đã lén lút vào phòng nghỉ nơi Vân để quần áo, lục túi quần dài của anh V lấy chiếc ví tiền, Đ mở ví lấy một số tờ tiền mệnh giá 500.000đ rồi rút ví trở lại vào túi quần của anh V và nhanh chóng về phòng ngủ của mình đếm được số tiền là 3.000.000đ (ba triệu đồng), cất giấu dưới chiếu. Sau khi anh V và gái bán dâm quan hệ tình dục xong, anh V kiểm tra lại ví thì phát hiện bị mất số tiền 3.000.000đ, do trước đây anh V đã bị mất trộm nhiều lần nên trước khi đi mua dâm anh V có đếm tổng số tiền trong ví là 4.900.000đ, trả tiền mua dâm cho Đ 200.000đ, khi kiểm tra lại trong ví chỉ còn 1.700.000đ. Nghi ngờ gái bán dâm trộm cắp tiền của mình nên giữa anh V và gái bán dâm xảy ra to tiếng. Đ thấy vậy liền gọi điện cho Dương Đình T (sinh năm 1989, trú tại xóm Xây, xã Thuận Thành, thị xã Phổ Yên, là người cùng ở với Đ) về. Anh V nói bị mất tiền nhưng không ai thừa nhận đã lấy và tìm cách đuổi anh V đi. Anh V liền đến Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên trình báo. Sau khi anh V đi, Đ đã lấy số tiền 3.000.000đ trộm cắp được đưa cho Tiến để Tiến chi tiêu sinh hoạt cho gia đình. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của anh Vân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đã phối hợp với Công an xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên đến chỗ ở của Đ để xác minh, làm rõ. Đ đã thừa nhận hành vi trộm cắp và giao nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 3.000.000đ tiền Đ trộm cắp của anh Vân.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay Lê Thị Đ đã khai nhận hành vi trộm cắp.

Đối với số tiền 3.000.000đ, Lê Thị Đ trộm cắp của anh V đã được thu hồi trả lại cho anh V chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa anh V không yêu cầu gì đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 119/CT- VKSPY, ngày 28/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố bị cáo Lê Thị Đ (tên gọi khác Lê Thị H) về tội: Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc thẩm vấn, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên có quan điểm giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thị Đ (tên gọi khác Lê Thị H) từ 06-09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12-18 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại Nguyễn Văn V chủ sở hữu quản lý, sử dụng, người bị hại không có đề nghị gì thêm nên không xem xét.

- Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại anh Nguyễn Văn V 01 chiếc ví da màu đen đã qua sử dụng.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí và được quyền kháng cáo theo quy định. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì, thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội. Lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo hiện nay cho bị cáo mức án thấp nhất, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phổ Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, loại tài sản chiếm đoạt. Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 08 giờ, ngày 21/3/2020, tại chỗ ở thuộc quyền quản lý của mình tại xóm Kim Tĩnh, xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Lê Thị Đ đã có hành vi trộm cắp số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) của anh Nguyễn Văn V, mục đích để chi tiêu cho sinh hoạt gia đình thì bị phát hiện.

Hành vi, ý thức của Lê Thị Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó bản cáo trạng số 119/CT- VKSPY, ngày 28/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Nội dung khoản 1 điều 173 luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Xét tính chất vụ án: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương. Hành vi của các bị cáo cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy:

Về nhân thân: Bị cáo đã 01 lần bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Năm 2015, bị Công an thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính số tiền 1.000.000đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, tại Quyết định xử phạt hành chính số 05/QĐ-XPVPHC, ngày 26/11/2015 (đã nộp phạt ngày 02/12/2015 tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam chi nhánh Thái Nguyên). Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa lỗi lầm, làm ăn lương thiện, trái lại tiếp tục lao vào con Đ phạm tội thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã được thu hồi ngay trả lại cho người bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, tại phiên tòa người bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cho bị cáo Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Nhận định của Hội đồng xét xử khi lượng hình thấy: Bị cáo là người trước đó đã một lần bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhẽ ra cần xử phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã được thu hồi ngay trả lại cho người bị hại, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; đặc biệt hoàn cảnh bị cáo hiện nay thật sự khó khăn, một mình đang nuôi con nhỏ hơn một tuổi và một người em bị bệnh tâm thần (theo

bị cáo khai do bố mẹ bị cáo đã ly hôn), nếu bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù sẽ tạo gánh nặng cho xã hội nên sau khi cân nhắc xem xét Hội đồng xét xử chấp nhận lời thỉnh cầu của bị cáo, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bị hại, áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương để bị cáo có cơ hội chăm sóc con nhỏ.

Mức án Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo có phần hơi nhẹ so với hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tăng mức hình phạt đối với bị cáo để đảm bảo tính giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: bị cáo hiện có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại anh V không có ý kiến gì thêm nên không xem xét giải quyết.

[8] Xử lý vật chứng: 01 chiếc ví da màu đen đã qua sử dụng Cơ quan điều tra tạm giữ của người bị hại, tại phiên tòa người bị hại anh V đề nghị xin lại nên cần trả lại cho anh V là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

[9] Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Đ (tức Lê Thị H) phạm tội: Trộm cắp tài sản.

* Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị Đ (tức Lê Thị H) 12(mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Lê Thị Đ (tức Lê Thị H) cho Ủy ban nhân dân xã Trung Thành, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên nơi bị cáo hiện đang cư trú và sinh sống quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, người bị hại không đề nghị gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

4. Xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại anh Nguyễn Văn V01 chiếc ví màu đen đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thị xã Phổ Yên và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên ngày 14/8/2020)

5. Án phí: Căn cứ điều 135, 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thị Đ (tức Lê Thị H) phải chịu 200.000đồng án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bảo án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- Toà án tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- VKS thị xã Phổ Yên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Trung Thành TX PY;
- UBND xã Thạch Đà, huyện Mê Linh, TP Hà Nội;
- Bị cáo
- Lưu, lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hải Chiều